

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 22-3-2022

V/v tranh chấp về ly hôn,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Thanh Chín.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Thái;

Ông Nguyễn Văn Thành

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Phú - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2020/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp về quyền ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2020/HNGĐ-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2022/QĐ-PT ngày 24/01/2022; Thông báo thay đổi thời gian phiên tòa số 01/TABT-HNGĐ ngày 14/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Th, sinh năm 1952 (Chết ngày 21/11/2020)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đặng Thị Th:

Chị Đào Thị Kim L - Sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Khu phố 5, phường Tân An, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ liên hệ: Thôn 7, xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Liên: Luật sư Hồ Thị Nam - Trưởng Văn phòng luật sư Hồ Nam- Đoàn luật sư tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ: Số 03, đường Tuệ Tĩnh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Đào Văn T, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Tân An, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Khu phố 7, phường Tân An, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Người kháng cáo: Ông Đào Văn T.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Các đương sự khác không kháng cáo.

Đương sự có mặt: Chị Đào Thị Kim L, Luật sư Hồ Thị Nam, ông Đào Văn T, ông Nguyễn Văn Cành.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm.

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2019 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 17/01/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Đặng Thị Th, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Thanh trình bày:

Bà Đặng Thị Th và ông Đào Văn T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào năm 1978 tại Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Bình, tỉnh Hà Sơn Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 85, quyển số 2, cấp ngày 23/3/1978.

Quá trình chung sống, bà Thanh và ông Tỉnh hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân (cũ) công nhận thuận tình ly hôn vào năm 1995, Tòa án bác đơn. Từ đó đến nay, ông bà vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, ông Tỉnh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Khi bà bị tai biến, liệt hai chân, phải ngồi xe lăn, ông Tỉnh không cho bà tiếp xúc với người khác, thường xuyên đóng cửa nhốt bà trong nhà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đào Văn T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông bà có nhận chị Đào Thị Kim L, sinh ngày 22/10/1990 làm con nuôi. Hiện chị Liên đã trưởng thành, có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết về con chung.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Gồm 01 ngôi nhà xây cấp 4 nằm trên diện tích đất 979m², thuộc thửa 170, tờ bản đồ số 16 (nay là thửa số 19, 20 tờ bản đồ số 5, bản đồ địa chính) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M443601 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân (cũ) cấp ngày 15/10/1998 mang tên ông Đào Văn T, ngoài diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích thực tế vợ chồng sử dụng theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/12/2019 là tài sản chung của vợ chồng. Hiện bà và ông Tỉnh đã chuyển

nhượng cho ông Nguyễn Văn Cánh diện tích đất 601m² trong tổng số 979 m² có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kể trên.

Bà Thanh yêu cầu được chia hai tổng giá trị nhà và đất, trong đó chia hai giá trị tiền bán đất 1.400.000.000đồng (bà Thanh nhận 700.000.000đồng, ông Tỉnh nhận 700.000.000đồng). Đối với diện tích đất còn lại là 513,5m² có căn nhà trên đất, bà Thanh yêu cầu chia hai diện tích, bà nhận thừa có diện tích 266,9m² (có 100m² thổ cư) để bà sử dụng. Bà Thanh đề nghị chia cho ông Tỉnh thừa có diện tích 246,6m² phía giáp đất bán cho ông Cánh, để ông Tỉnh sử dụng. Căn nhà sẽ chia theo hiện trạng đất, bà không đồng ý việc ông Tỉnh xây, sửa làm ảnh hưởng kết cấu căn nhà sau khi ngăn chia.

Bà Thanh đồng ý tiếp tục hoàn tất thủ tục chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn Cánh, nhưng ông Tỉnh và ông Cánh phải thanh toán cho bà Thanh đúng số tiền được hưởng là ½ giá trị diện tích chuyển nhượng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Đào Thị Kim L muốn thỏa thuận với các đương sự trong vụ án về phần thừa kế của bà Thanh chết để lại.

Bị đơn ông Đào Văn T trình bày: Ông thống nhất về quan hệ hôn nhân, con chung, giữa ông và bà Thanh trong thời kỳ hôn nhân như bà Thanh trình bày. Sau khi Tòa án không cho vợ chồng ly hôn vào năm 1995, ông và bà Thanh sống ly thân nhau, không quan hệ vợ chồng từ năm 1994 đến nay, không còn tình cảm với nhau. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn theo đơn của bà Thanh do đơn của bà làm không đúng quy định của pháp luật và do ông tiếc công nuôi bà mấy chục năm nay.

Về phần tài sản chung của ông và bà Thanh là căn nhà xây cấp 4 trên đất, còn diện tích đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M443601 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân (cũ) cấp ngày 15/10/1998 mang tên hộ ông Đào Văn T là đất cấp theo chế độ cho cá nhân ông Tỉnh, là tài sản riêng của ông. Ông thừa nhận trong năm 2019 ông bà có thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Cánh diện tích (15 x 41m) giá trị là 1.400.000.000đồng, ông đã nhận 750.000.000đồng, số tiền còn lại 650.000.000đồng sẽ giao nhận sau khi ra sổ cho ông Cánh. Đối với diện tích nhà, đất còn lại hiện nay ông bà đang sử dụng, ông Tỉnh yêu cầu Tòa án chia theo pháp luật, chia làm 03 phần, ông nhận 2/3 giá trị tài sản, bà Thanh nhận 1/3 giá trị tài sản, do bà Thanh bệnh tật nhiều năm nay, không thể lao động tạo ra thu nhập, nguồn gốc đất là của riêng ông.

Đối với phần diện tích đất 601,2m² đã chuyển nhượng cho ông Cánh, ông Tỉnh đồng ý để bà Thanh nhận số tiền 650.000.000đồng còn lại từ ông Cánh. Tại phiên tòa ông Tỉnh không đồng ý các yêu cầu liên quan đến diện tích đất này, ông cho rằng đã thỏa thuận không tranh chấp để tự giải quyết, đúng như nội dung ghi trong biên bản ngày 03/12/2019 là trừ diện tích đã tách thừa cho ông Cánh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Cánh trình bày:

Vào khoảng tháng 4/2019, ông có nhận chuyển nhượng của ông Tỉnh, bà Thanh diện tích đất 601m², trong tổng diện tích đất của ông bà tại Khu phố 5,

phường Tân An, thị xã La Gi, thời điểm giao dịch bà Thanh, chị Liên đều đồng ý chuyển nhượng cho ông. Do đó, chị Liên đã làm giấy ủy quyền cho ông Tỉnh tham gia toàn bộ giao dịch chuyển nhượng diện tích đất này. Sau khi ông Cảnh thanh toán trước số tiền 750.000.000 đồng cho ông Tỉnh, ông đã tiến hành san lấp đất và nộp hồ sơ để ông Tỉnh tách thửa, lên thổ cư phần đất này trước khi tiến hành sang nhượng cho ông theo quy định, hiện hồ sơ tách thửa đang nộp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã La Gi. Đối với phần yêu cầu chia tài sản của bà Thanh và ông Tỉnh, ông Cảnh yêu cầu ông Tỉnh và bà Thanh tiếp tục thực hiện hợp đồng sang nhượng quyền sử dụng đất 601m² như thỏa thuận trước đó cho ông.

Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2020/HNGĐ-ST ngày 12/5/2020 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 09/2020/QĐ-SCBSBA ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228, Điều 147, Điều 155 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 51, Khoản 1 Điều 55, Điều 56, Điều 33 Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Th. Bà Đặng Thị Th được ly hôn ông Đào Văn T.

2. Về tài sản chung: Chia cho bà Đặng Thị Th và ông Đào Văn T mỗi người ½ (một phần hai) giá trị nhà và đất là tài sản chung.

Cụ thể:

- Bà Đặng Thị Th được quyền sử dụng diện tích đất 513,5m² gồm 100m² (Tn) và 413,5m² (Đm) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M443601 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân (cũ) cấp ngày 15/10/1998 mang tên hộ ông Đào Văn T và theo diện tích đất thực tế sử dụng tại Khu phố 5, phường Tân An, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. Bà Thanh được sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất (01 căn nhà xây cấp 4C, diện tích 111,3m², xây dựng năm 1986, có kết cấu móng đá chẻ, tường xây gạch, mái tôn xi măng và ngói, nền gạch hoa trung bình, cửa gỗ bình thường, công trình quét vôi). Vị trí nhà, đất cụ thể như sau:

Phía Đông giáp đường hẻm; Phía Tây giáp ruộng nước;

Phía Nam giáp đất ông Tiến; Phía Bắc giáp đất chia cho ông Đào Văn T.

- Ông Đào Văn T được quyền sử dụng đối với diện tích đất 601,2m² gồm 100m² ở (Tn)) và 501,2m² đất trồng cây lâu năm (Đm), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M443601 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân (cũ) cấp ngày 15/10/1998 mang tên hộ ông Đào Văn T và theo diện tích đất thực tế sử dụng tại Khu phố 5, phường Tân An, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. Vị trí đất cụ thể như sau:

Phía Đông giáp đường hẻm; Phía Tây giáp ruộng nước;

Phía Nam giáp đất chia cho bà Đặng Thị Th; Phía Bắc giáp đất bà Nhuận.

2.1 Ông Đào Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đặng Thị Th số tiền 13.605.000đồng là giá trị chênh lệch từ phân tài sản chung mà mỗi bên được nhận từ việc phân chia tài sản chung.

2.2 Ông Đào Văn T được quyền lưu cư trong căn nhà xây cấp 4C, diện tích 111,3m², xây dựng năm 1986, có kết cấu móng đá chẻ, tường xây gạch, mái tôn xi măng và ngói, nền gạch hoa trung bình, cửa gỗ bình thường, công trình quét vôi, trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.3 Bà Đặng Thị Th và ông Đào Văn T có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M443601 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân (cũ) cấp ngày 15/10/1998 mang tên hộ ông Đào Văn T để làm thủ tục cập nhật chỉnh lý biến động hoặc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn nhà và đất nói trên theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/5/2020, ông Đào Văn T làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết:

1. Tòa La Gi biết hay không biết đơn kiện của bà Thanh đã vi phạm pháp luật tại Khoản 1 Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự hiện hành, và đơn kiện của bà Thanh cũng vi phạm pháp luật tại Khoản 5 Điều 53, Mục 1: Ly hôn, Chương IV: chấm dứt hôn nhân của Luật HNGĐ hiện hành;

Nếu Tòa La Gi biết 02 điều luật trên thì tại sao Tòa La Gi không trả lại đơn khởi kiện cho bà Thanh, yêu cầu bà Thanh viết đơn yêu cầu ly hôn để Tòa La Gi giải quyết;

2. Đơn kiện của bà Thanh và vụ án HNGĐ có số 262 có chung một vụ việc giống nhau: “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung”. Nhưng hai vụ việc này không có một dòng nào chứng minh có “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung”- (chứng cứ).

Tại sao Tòa La Gi cố ý sử dụng “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung” mà lại không có chứng cứ.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 43/QĐKNPT-VKS-DS ngày 11/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, kháng nghị đối với phần chia tài sản chung, theo hướng sửa phần tài sản chung của ông Tỉnh và bà Thanh. Theo đó: xác định lại tài sản chung của ông Tỉnh và bà Thanh, gồm: diện tích đất 513,5m² (trong đó có 200m² đất ở) cùng tài sản trên đất và 750.000.000đồng là tiền ông Cảnh mua đất nhưng còn nợ bà Thanh, ông Tỉnh và chia tài sản chung theo quy định của pháp luật. Đồng thời sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm, theo đó phải ghi rõ nội dung phân chia tài sản chung của ông Tỉnh và bà Thanh theo đúng quy định tại Điều 266 Bộ luật TTDS.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị Đào Thị Kim L là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Bà Đặng Thị Th: Mong muốn thỏa thuận với các đương sự trong vụ án về phần thừa kế của bà Thanh chết để lại, xin được nhận $\frac{1}{4}$ giá trị tài sản chung với số tiền 1.000.000.000đồng.

- Ông Nguyễn Văn Cảnh đồng ý theo ý kiến của chị Liên, ông sẽ giao số tiền mua đất còn lại 650.000.000đồng + 350.000.000đồng = 1.000.000.000đồng cho chị Liên. Giao cho ông Tỉnh 100.000.000đồng.

Ông Cảnh đề nghị ông Tỉnh và chị Liên giao 2m đất chiều rộng giáp với đất của ông đã mua.

- Ông Đào Văn T: Thay đổi yêu cầu kháng cáo. Đồng ý và thỏa thuận theo ý kiến chị Liên và ý kiến đề nghị của ông Cảnh.

- Các đương sự thỏa thuận chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Các đương sự tự nguyện, thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Kiểm sát viên rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 43/QĐKNPT-VKS-DS ngày 11/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 300, Khoản 2 Điều 308, sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa; việc rút kháng nghị và nghe đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân với bị đơn, đây là tranh chấp về ly hôn, chia tài sản chung

Nguyên đơn và bị đơn đều có địa chỉ tại thị xã La Gi nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý phúc thẩm, ngày 21/11/2020 bà Đặng Thị Th là nguyên đơn trong vụ án chết theo Trích lục khai tử số 84/TLKT-BS ngày 23/11/2020 của Ủy ban nhân dân phường Tân An, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Theo Đơn xin xác nhận đề ngày 04/12/2020 của chị Đào Thị Kim L và theo văn bản số 261/UBND ngày 30/11/2021, V/v xác minh thông tin về người thừa kế của Ủy ban nhân dân phường Tân An, thị xã La Gi và xác nhận của các đương sự trong vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm thì và căn cứ vào Khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự thì người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng đồng thời là người thừa kế của bà Đặng Thị Th, gồm 02 người. Cụ thể:

- Chị Đào Thị Kim L - Sinh năm 1990 (con nuôi bà Thanh);
- Ông Đào Văn T- Sinh năm 1950 (chồng bà Thanh).

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Do bà Đặng Thị Th là vợ và là nguyên đơn trong vụ án tranh chấp về ly hôn với bị đơn ông Đào Văn T đã chết nên căn cứ vào Điều 65 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Hôn nhân chấm dứt kể từ thời điểm vợ hoặc chồng chết”*. Chính vì vậy, hôn nhân giữa bà Đặng Thị Th và ông Đào Văn T chấm dứt kể từ ngày 21/11/2020 nên Tòa án cấp phúc thẩm không giải quyết phần quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị Th với ông Đào Văn T.

[3.2] Về tài sản chung của vợ chồng bà Đặng Thị Th và ông Đào Văn T đã chia tại bản án sơ thẩm thì nay các đương sự trong vụ án thỏa thuận với nhau như sau:

- Ông Nguyễn Văn Cành đồng ý giao số tiền mua đất còn lại 650.000.000đồng + 350.000.000đồng = 1.000.000.000đồng cho chị Liên. Giao cho ông Tinh 100.000.000đồng. Ông Cành được nhận quyền sử dụng 2m đất chiều rộng giáp với đất của ông đã mua.

- Chị Liên thỏa thuận chịu 1.500.000đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm, đã nộp đủ 1.500.000đồng.

- Ông Cành thỏa thuận chịu 22.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3.3] Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử công nhận như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đào Văn T được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 289, Điều 300, Khoản 2 Điều 308, Điều 155, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự Điều 155 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 148; Điểm đ Khoản 1 Điều 12; Khoản 1, Khoản 7 Điều 26, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 43/QĐKNPT-VKS-DS ngày 11/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2.1. Chị Đào Thị Kim L và ông Đào Văn T thỏa thuận giao cho ông Nguyễn Văn Cành diện tích đất có vị trí như sau:

- Chiều rộng tính từ điểm M3 đến M2 là 2m; từ điểm M4 đến M5 là 2m;
- Chiều dài nối 2 vị trí trên song song với điểm M3 và M4.

2.2. Phần diện tích còn lại ông Đào Văn T được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng.

Ông Đào Văn T, ông Nguyễn Văn Cành có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M443601 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân (cũ) cấp ngày 15/10/1998 đứng tên hộ ông Đào Văn T để làm thủ tục cập nhật chỉnh lý biên động hoặc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn nhà và đất nối trên theo quy định của pháp luật.

Có bản đồ Phường Tân An - Mảnh chỉnh lý thửa đất, Khu phố 05, thửa đất số 1, tờ bản đồ số 05(179473-1-b) ngày 17/12/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai La Gi kèm theo.

2.3. Ông Nguyễn Văn Cành có nghĩa vụ:

- Giao cho chị Đào Thị Kim L 650.000.000 đồng (số tiền mua đất còn lại) + 350.000.000 đồng (giá trị 2m đất chiều rộng) = 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng;
- Giao cho ông Tỉnh 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng (giá trị 2m đất chiều rộng).

Chị Đào Thị Kim L và ông Đào Văn T được sở hữu số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Ông Nguyễn Văn Cánh thỏa thuận chịu 22.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Ông Đào Văn T được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm.

- Chị Đào Thị Kim L thỏa thuận chịu 1.500.000đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm, đã nộp đủ 1.500.000đồng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (22/3/2022).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND thị xã La Gi;
- Chi cục THADS La Gi;
- Các đương sự;
- Lưu: DS, HCTP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thanh Chín